TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Đc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04**/2017/HNGĐ-PT
Ngày 27 tháng 4 năm 2017
"V/v *Chia tài sản sau khi ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Thủy**.

Các Thẩm phán: Bà **Lưu Hồ Loan;**

Bà **Hoàng Thị Minh Khánh.**

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà **Vũ Hồng Ngọc** - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang:*** Bà **Nguyễn Thị An** - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong các ngày 20 và 27 tháng 4 năm 2017, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 02/2017/HNGĐ-PT, ngày 21 tháng 02 năm 2017 về việc: *"Chia tài sản sau khi ly hôn"*.

Do bản án sơ thẩm số 263/2016/HNGĐ-ST, ngày 20 tháng 12 năm 2016 của Toà án nhân dân huyện I, tỉnh Tuyên Quang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 04/2017/QĐ-PT, ngày 04 tháng 4 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Đỗ Hữu H**, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: Xóm F, Nhà máy A, xã G, huyện I, tỉnh Tuyên Quang.

2. Bị đơn: Chị **Đặng Hải Y**, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: Xóm F, Nhà máy A, xã G, huyện I, tỉnh Tuyên Quang.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Đỗ Văn N**, sinh năm 1950.

Địa chỉ: Thôn B, xã D, huyện E , tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Lâm Thị M**; sinh năm 1954(có mặt).

Địa chỉ: Thôn B, xã D, huyện E , tỉnh Tuyên Quang.

- Bà **Lâm Thị M**; sinh năm 1954 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn B, xã D, huyện E , tỉnh Tuyên Quang.

- **Nhà máy A (Công ty TNHHMTV A)**

Địa chỉ: Thôn K, xã G, huyện I, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Dương Văn Y**; Chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Đoàn Hải C,** sinh năm: 1971; Chức vụ: Trưởng phòng L (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Đỗ Hữu H trình bày:

Anh và chị Đặng Hải Y kết hôn ngày 02/10/1999, đến ngày 5/4/2016 Toà án nhân dân huyện I đã giải quyết cho anh và chị Y được ly hôn, phần tài sản anh và chị Y tự thoả thuận, nhưng anh và chị Y không thoả thuận được, anh đề nghị Toà án giải quyết chia tài sản cho anh và chị Y, tài sản chung, nguồn gốc tài sản là nhà cấp 4 do bố đẻ anh là ông Đỗ Văn N, và mẹ đẻ là bà Lâm Thị M mua năm 1997, đất ở là mượn đất của quốc phòng, không có giấy chứng nhận riêng, đến năm 1999 anh lập gia đình với chị Đặng Hải Y, năm 2011 anh và chị Y có sửa chữa lại ngôi nhà đó trị giá ngôi nhà là khoảng 100.000.000đ. Anh nhận được ở ngôi nhà và trả cho chị Y số tiền là 50.000.000đ, ngoài ra còn tài sản khác anh để cho chị Y, anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn chị Đặng Hải Y trình bày: Chị và anh Đỗ Hữu H kết hôn ngày 02/10/1999, đến ngày 5/4/2016 Toà án nhân dân huyện I đã giải quyết cho chị và anh H được ly hôn, phần tài sản chị và anh H tự thoả thuận, tài sản chung gồm có 1 ti vi 40 in trị giá 15.000.000đ, 1 tủ lạnh trị giá 4.000.000đ, 2 xe máy trị giá là 50.000.000đ, 1 bàn ăn bằng gỗ trị giá 2.000.000đ, 1 nhà xây cấp 4 làm trên đất quốc phòng của Nhà máy A, nguồn gốc tài sản là nhà cấp 4 do bố anh H là ông Đỗ Văn N và mẹ đẻ là bà Lâm Thị M mua năm 1997, đất ở là mượn đất của quốc phòng, không có giấy chứng nhận riêng, đến năm 1999 chị lập gia đình với anh H, năm 2011 chị và anh H có sửa chữa lại ngôi nhà đó, chị đề nghị Toà án chia mỗi người ½ nhà.

Bà Lâm Thị M trình bày: Năm 1997 vợ chồng bà mua 1 nhà cấp 4 của ông Đỗ Văn Đ và bà Lương Thị H1, năm 1999 con trai bà là Đỗ Hữu H lập gia đình với chị Đặng Hải Y, nên vợ chồng bà cho anh H, chị Y mượn ở, đến năm 2011 anh H và chị Y xin phép bà cho tu sửa lại nhà, bà đồng ý, nay chị Y anh Hly hôn bà đòi lại nhà và nhất trí trả tiền cho anh H, chị Y.

Bà Lương Thị H1 trình bày: Bà là thím của anh Đỗ Hữu H, năm 1997 bà có bán cho ông Đỗ Văn N và bà Lâm Thị M 1 nhà xây cấp 4, nằm trên diện tích đất của nhà máy Z129, giá là 12.000.000đ, khi bán bà có làm giấy viết tay với nhau không báo cáo nhà máy, vì anh Hđang làm công nhân nhà máy, năm 1999 anh H kết hôn với chị Y và anh Hchị Y đã ở tại nhà đó, đến khoảng năm 2001 hay 2002 chồng bà là ông Đỗ Văn Đ đã viết giấy chuyển nhượng nhà đã bán cho bà M, ông N cho anh H, mục đích viết lại giấy để hợp thức hoá việc chuyển nhượng nhà và đất trước đây vì ông N, bà M không phải cán bộ Nhà máy A, nếu sau này anh H sửa chữa nhà thì xin phép Nhà máy A sẽ thuận lợi.

Vụ kiện trên đã được Toà án nhân dân huyện I điều tra, hoà giải nhưng không thành và đã đưa vụ án ra xét xử. Tại bản án số 263/2016/HNGĐ-ST, ngày 20 tháng 12 năm 2016 của Toà án nhân dân huyện I, Quyết định:

Áp dụng: Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 38, Điều 144, khoản 2 Điều 147, khoản 1 Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 305 Bộ luật dân sự;

Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/2/2009

Tuyên Xử: Anh Đỗ Hữu H được quản lý và sử dụng tài sản là 01 nhà xây 01 tầng mái lợp Plu xi măng diện tích là 80,76m^2, bếp và công trình vệ sinh; 01 téc nước, 1 giá đỡ, nằm trên diện đất của Công ty TNHHMTV A, tổng giá trị tài sản là 105.119.000đ (một trăm linh năm triệu một trăm mười chín nghìn đồng). Anh Đỗ Hữu H phải có trách nhiệm thanh toán tiền chia tài sản chung cho chị Đặng Hải Y (Đặng Thị Hải Y) là 52.559.500đ (năm mươi hai triệu năm trăm năm mươi chín nghìn năm trăm đồng)

Chị Đặng Hải Y (Đặng Thị Hải Y) được quyền lưu cư 3 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Án phí: Anh Đỗ Hữu H phải chịu 2.628.000đ (hai triệu sáu trăm hai mươi tám nghìn đồng) án phí chia tài sản chung có giá ngạch, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai số 001686 ngày 5/8/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện I; anh Hcòn phải nộp 128.000đ (một trăm hai mươi tám nghìn đồng) Chị Đặng Hải Y (Đặng Thị Hải Y) phải chịu án phí chia tài sản chung có giá ngạch là 2.628.000đ (hai triệu sáu trăm hai mươi tám nghìn đồng)

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/12/2016 chị Đặng Hải Y có đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án sơ thẩm số 263/2016/DS – ST, ngày 20/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện I đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chị Y được sử dụng một nửa ngôi nhà tức ½ ngôi nhà bằng hiện vật chứ không bằng tiền mặt.

Tại phiên tòa bị đơn chị Đặng Hải Y và anh Đỗ Hữu H đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án chị Y và anh H thống nhất, anh H được quyền sở hữu toàn bộ ngôi nhà xây cấp bốn hiện chị Y và anh Hđang tranh chấp yêu cầu chia tại Xóm F, xã G, huyện I, tỉnh Tuyên Quang, trên diện tích đất trong khuôn viên của Nhà máy A. Anh H có nghĩa vụ trả cho chị Y số tiền công sức tôn tạo, sửa chữa ngôi nhà và trợ cấp sau ly hôn tổng số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Tại phiên tòa Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, HĐXX đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của bị đơn chị Đặng Hải Y là hợp lệ, trong hạn luật định.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa anh H và chị Y thỏa thuận anh H được quyền sở hữu toàn bộ ngôi nhà xây cấp bốn hiện chị Y và anh H đang tranh chấp yêu cầu chia tại Xóm F, xã G, huyện I, tỉnh Tuyên Quang, trên diện tích đất trong khuôn viên của Nhà máy A. Anh H có nghĩa vụ trả cho chị Y số tiền công sức tôn tạo, sửa chữa ngôi nhà, bếp, công trình phụ và hỗ trợ chị Y tạo lập chỗ ở mới tổng số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa bản án sơ thẩm Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc chia tài chung, theo hướng công nhận ngôi nhà xây cấp bốn tại Xóm F, xã G, huyện I, tỉnh Tuyên Quang, trên diện tích đất trong khuôn viên của Nhà máy A thuộc quyền sở hữu của anh Đỗ Hữu H. Anh H có nghĩa vụ trả cho chị Y tổng số tiền tôn tạo, sửa chữa ngôi nhà, bếp và công trình phụ và hỗ trợ chị Y tạo lập chỗ ở mới là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Chị Y được

quyền lưu cư 01 tháng kể từ ngày 27/4/2017 đến hết ngày 28/5/2017.

Về phần án phí ghi nhận các đương sự đã thỏa thuận mỗi bên chịu một nửa án phí có giá ngạch theo giá trị tài sản tranh chấp là 105.000.000 đồng. Chị Y phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; kết quả đo vẽ, chụp ảnh hiện trạng căn nhà và các tài sản gắn liền trên đất mà hiện nay anh Đỗ Hữu H và chị Đặng Hải Y hiện đang cư trú tại Xóm F, xã G, huyện I, tỉnh Tuyên Quang ngày 21/3/2017; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Năm 1997 ông Đỗ Văn Đ và bà Lương Thị H1 **(** là thím của anh Đỗ Hữu H) có bán cho ông Đỗ Văn N và bà Lâm Thị M 01 nhà xây cấp 4, nằm trên diện tích đất của Nhà máy A với giá là 12.000.000đ (mười hai triệu đồng), khi bán hai bên có làm giấy viết tay với nhau, khi đó anh Hđang là công nhân của nhà máy. Khi mua nhà và hoa màu xong thì ông bà cũng giao lại cho anh Hquản lý, sử dụng.

Ngày 02/10/1999 anh Đỗ Hữu H và chị Đặng Hải Y kết hôn, sau khi kết hôn anh chị về sống tại căn nhà mà bố mẹ anh H đã mua của ông Đỗ Văn Đ tại Xóm F, xã G, huyện I, tỉnh Tuyên Quang. Năm 2001 vì bố mẹ anh H là ông N và bà M không phải là công nhân nhà máy, để thuận tiện cho anh H quản lý sử dụng thì ông bà N M đồng ý cho anh H đứng tên căn nhà và hoa màu mà trước ông bà mua lại của ông Đ bà H1. Nhà máy A cũng đã nhất trí để ông Đỗ Văn Đ bán lại nhà và hoa màu trên đất cho anh Đỗ Hữu H.

Năm 2011 vì muốn tu sửa lại ngôi nhà nên anh Hđã xin bố mẹ anh cho anh và chị Y tu sửa lại căn nhà. Được sự nhất trí của bố mẹ, anh H, chị Y đã tu sửa, cải tạo lại ngôi nhà cũ.

Sau thời gian vợ chồng chung sống đến năm 2015 anh H, chị Y ly hôn, tuy nhiên về tài sản thì anh chị đề nghị tự thỏa thuận nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét. Sau khi ly hôn anh H chị Y không thể tự thỏa thuận được với nhau nên anh H làm đơn khởi kiện tranh chấp chia tài sản sau ly hôn. Quá trình giải quyết xét xử tại cấp sơ thẩm chị Y không nhất trí với Bản án sơ thẩm nên chị Y kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị Đặng Hải Y và anh Đỗ Hữu H thỏa thuận anh Hđược quyền sở hữu toàn bộ ngôi nhà xây cấp bốn, bếp và công trình phụ tại xóm F, xã G, huyện I, tỉnh Tuyên Quang, trên diện tích đất trong khuôn viên của Nhà máy A. Anh H có nghĩa vụ trả cho chị Y tổng số tiền tôn tạo, sửa chữa ngôi nhà, bếp và công trình phụ và hỗ trợ chị Y tạo lập chỗ ở mới là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Chị Y được quyền lưu cư 01 tháng kể từ ngày 27/4/2017 đến hết ngày 28/5/2017.

Bà Lâm Thị M nhất trí với sự thỏa thuận giữa anh Hvà chị Y và không có yêu cầu gì.

Đại diện theo ủy quyền của Nhà máy A ông Đoàn Hải C có quan điểm việc tranh chấp chia tài sản chung là ngôi nhà xây cấp bốn trên diện tích đất do Nhà máy A quản lý giữa anh Đỗ Hữu H và chị Đặng Hải Y đã được cấp sơ thẩm giải quyết, nhưng sau đó chị Y kháng cáo bản án, Nhà máy A không có ý kiến gì. Trong khi Tòa án cấp phúc thẩm chuẩn bị xét xử vụ án thì Nhà máy A đã ban hành Quyết định số 458, ngày 14/4/2017 về việc thu hồi diện tích đất quốc phòng đối với anh H, chị Y, tuy nhiên sau phiên tòa ngày 20/4/2017 Nhà máy A đã tiến hành họp và Động viên anh H, chị Y nên thỏa thuận với nhau. Nay tại phiên

tòa anh H và chị Y đã thỏa thuận được với nhau về việc phân chia tài sản chung như trên Nhà máy nhất trí, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét công nhận sự thỏa thuận giữa anh H và chị Y. Đối với quyết định thu hồi đất số 458, ngày 14/4/2017 Nhà máy giữ nguyên; đối với diện tích đất có ngôi nhà Nhà máy A không yêu cầu Tòa xem xét giải quyết. Do vậy Hội Đồng xét xử không đề cập xem xét.

Như vậy tại phiên tòa phúc thẩm anh Đỗ Hữu H và chị Đặng Hải Y đã tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc phân chia tài sản chung anh H, chị Y cùng thống nhất anh H được quyền sở hữu toàn bộ ngôi nhà xây cấp bốn, bếp và công trình phụ (hiện chị Y và anh H đang tranh chấp yêu cầu chia) tại Xóm F, xã G, huyện I, tỉnh Tuyên Quang, trên diện tích đất trong khuôn viên của Nhà máy A. Anh H có nghĩa vụ trả cho chị Y số tiền công sức tôn tạo, sửa chữa ngôi nhà, bếp, công trình phụ và hỗ trợ chị Y tạo lập chỗ ở mới tổng số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Chị Y được quyền lưu cư trong thời hạn là một tháng kể từ ngày 27/4/2017 đến hết ngày 27/5/2017.

Về án phí: Anh H và chị Y cũng thỏa thuận với nhau về nghĩa vụ chịu án phí như cấp sơ thẩm đã giải quyết: Chị Y, anh H mỗi người chịu ½ án phí dân sự có giá ngạch đối với khối tài sản chung có trị giá là 105.000.000đ (một trăm triệu đồng).

Hội đồng xét xử thấy sự thỏa thuận giữa anh H và chị Y như trên là hoàn toàn tự nguyện không trái pháp luật và đạo đức xã hội, đây là tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm, nên cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận giữa anh Đỗ Hữu H và chị Đặng Hải Y như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Chị Y còn phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 263/2016/HNGĐ-ST, ngày 20 tháng 12 năm 2016 của Toà án nhân dân huyện I, tỉnh Tuyên Quang như sau:

Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Đỗ Hữu H và chị Đặng Hải Y.

- Anh Đỗ Hữu H được quyền sở hữu toàn bộ ngôi nhà xây cấp bốn, bếp và công trình phụ tại địa chỉ Xóm F, xã Đi Bình, huyện I, tỉnh Tuyên Quang, trên diện tích đất của Nhà máy A.

- Anh Đỗ Hữu H có nghĩa vụ trả cho chị Đặng Hải Y tiền công sức tôn tạo, sửa chữa ngôi nhà, bếp và công trình phụ và hỗ trợ chị Y tạo lập chỗ ở mới tổng số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

- Chị Y được quyền lưu cư trong thời hạn 01 (Một) tháng kể từ ngày 27/4/2017 đến hết ngày 27/5/2017.

- Về án phí: Chị Đặng Hải Y phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm và

2.625.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch. Tổng cộng chị Y phải chịu 2.925.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 200.000 đồng đã nộp tại biên lai số N0001845, ngày 03/01/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện I, tỉnh Tuyên Quang. Chị Y còn phải nộp tiếp 2.725.000 đồng (hai triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

- Anh Đỗ Hữu H phải chịu 2.625.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai thu số 0001686, ngày 05/8/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện I. Anh H còn phải nộp tiếp số tiền 125.000 đồng (một trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả;

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời Hthi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (27/4/2017).

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện I;
- Chi cục THADS huyện I;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Xuân Thủy